

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GLOBAL TANKER**

---o0o---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL TANKER

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020, và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019, và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;*
- *Thông tư số 96/2020/TT-BTC 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, và được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025, Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026;*
- *Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con, và được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 31/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;*
- *Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 18/03/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế đăng ký và quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Global Tanker;*
- *Nghị quyết HĐQT số 06/2026/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 09 năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Global Tanker ban hành Quy chế công bố thông tin của CTCP Global Tanker.*

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	3
Điều 3. Nguyên tắc chung trong công bố thông tin	4
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin	5
Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin	5
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin	6
Điều 7. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	6
CHƯƠNG 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	7
Điều 8. Công bố thông tin định kỳ	7
Điều 9. Công bố thông tin bất thường	7
Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu	8
Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác	8
CHƯƠNG 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁC	9
Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan hoặc nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	9
Điều 13. Công bố thông tin của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ	9
Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	9
CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN	10
Điều 15. Trách nhiệm của các phòng ban và cá nhân liên quan đến hoạt động công bố thông tin	10
Điều 16. Quy trình công bố thông tin	10
Điều 17. Xử lý vi phạm	11
Điều 18. Điều khoản thi hành	11
PHỤ LỤC 1. DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ TRONG NĂM	12

CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế CBTT này quy định về: (i) việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung có liên quan, và (ii) việc phối hợp quan hệ công tác giữa các cá nhân, phòng, ban, đơn vị trực thuộc của Công ty và các chủ thể có liên quan khác trong việc thực hiện công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- a. Công ty Cổ phần Global Tanker.
- b. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật.
- c. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

Trong Quy chế CBTT này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **“Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan”** bao gồm các tổ chức nước ngoài là người có liên quan có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 20/2025/TT-BTC ngày 05/05/2025).
2. **“Ban điều hành”** bao gồm các Người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty.
3. **“Quy chế CBTT”** là Quy chế công bố thông tin này, được sửa đổi hoặc bổ sung tùy từng thời điểm.
4. **“Đối tượng CBTT”** bao gồm Công ty và Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định.

5. **“Luật Doanh Nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020, và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025.
6. **“Luật Chứng Khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019, và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024.
7. **“Nghị Định 155”** là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.
8. **“Thông Tư 96”** là Thông tư số 96/2020/TT-BTC 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, và được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025, Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026.
9. **“Quyết Định 21”** là Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con, và được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 31/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
10. **“Quyết Định 23”** là Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 18/03/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế đăng ký và quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết.
10. **“VSDC”** là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
11. **“UBCK”** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
12. **“SGDCK”** là Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty đăng ký giao dịch/niêm yết cổ phiếu.
13. **“CBTT”** là công bố thông tin.

Để tránh hiểu nhầm, những thuật ngữ viết hoa khác, trừ khi được định nghĩa cụ thể tại Quy chế CBTT này, sẽ có ý nghĩa tương tự như được quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Thông Tư 96, Điều lệ Công ty, và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc chung trong công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền CBTT thực hiện.

2. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật và bảo đảm tuân thủ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 của Thông Tư 96.
3. Đối tượng CBTT khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCK và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp Đối tượng CBTT không đồng ý công khai một số thông tin cá nhân theo luật định, việc CBTT được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Thông Tư 96.
4. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 4 của Thông Tư 96.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT.
2. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn một người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành chỉ định một người chịu trách nhiệm CBTT.
3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCK và SGDCK trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 6 của Thông tư 96.
4. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin tự CBTT theo quy định tại Quy chế CBTT này, Thông Tư 96 và quy định pháp luật có liên quan khác.

Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, CBTT của Công ty được quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Thông Tư 96.
2. Việc thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty được thực hiện theo Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 96.
3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

4. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCK, SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCK và SGDCK.

Theo Văn bản số 1315/UBCK-GSDC ngày 01/03/2024 của UBCK về việc thông báo triển khai hệ thống công bố thông tin một đầu mối từ ngày 08/03/2024, các công ty niêm yết/đăng ký giao dịch tại SGDCK sẽ dừng báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường trên Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (IDS) và thực hiện báo cáo, công bố trên hệ thống công bố thông tin của SGDCK.

Hệ thống công bố thông tin IDS vẫn tiếp tục duy trì kết nối địa chỉ <https://ids.ssc.gov.vn>. Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch tại SGDCK tiếp tục thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN; báo cáo, công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành chứng khoán và các hoạt động khác của công ty qua Hệ thống công bố thông tin IDS.

5. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCK và SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT trong các trường hợp bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác) tại thời điểm có thông tin cần công bố. Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCK và SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT phải thực hiện công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 7. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Ngôn ngữ CBTT trên thị trường chứng khoán thực hiện đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty sẽ CBTT định kỳ đối với các thông tin được quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Quy chế CBTT này phù hợp với Điều 10, Điều 14 của Thông Tư 96 và khoản 2 Điều 38 của Quy chế ban hành kèm Quyết Định 23.
2. Khi CBTT các báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp được quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Thông Tư 96.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải CBTT bất thường theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết Định 21 (*trừ một số trường hợp đã quy định cụ thể mẫu áp dụng*) trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 11 và Điều 15 của Thông Tư 96.
2. Công ty thực hiện đăng ký mô hình Công ty, loại báo cáo tài chính CBTT khi đăng ký giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký thay đổi mô hình Công ty, loại báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định tại Điểm e hoặc Điểm h Khoản 1 Điều 11 của Thông tư 96 theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết Định 21.
3. Khi CBTT theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Thông Tư 96, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
4. CBTT về việc họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Thông Tư 96.
5. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 của Thông Tư 96.
6. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 10, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 14 của Thông Tư 96.
7. CBTT trong các trường hợp thay đổi kỳ kế toán được thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 11 của Thông Tư 96.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải CBTT trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCK và/hoặc SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; hoặc
 - b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCK và/hoặc SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác

1. Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
2. Công ty phải CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCK, VSDC và hệ thống CBTT của UBCK theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
3. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ. Trong trường hợp này, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan hoặc nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCK và SGDCK theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông Tư 96 trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Việc CBTT liên quan đến cổ đông lớn, nhóm người có liên quan hoặc nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty được thực hiện theo Điều 31 của Thông Tư 96.
3. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn ba (3) ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 13. Công bố thông tin của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty và Người có liên quan của Người nội bộ phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCK, SGDCK, Công ty theo quy định tại Điều 33 của Thông Tư 96.
2. Trong thời hạn ba (3) ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Công ty và các bên tham gia hoặc có liên quan đến giao dịch chào mua công khai phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các phòng ban và cá nhân liên quan đến hoạt động công bố thông tin

1. Các thành viên thuộc Ban điều hành và các phòng ban, cá nhân có liên quan đến hoạt động CBTT có trách nhiệm thi hành, phổ biến, hướng dẫn thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế CBTT này.
2. Người thực hiện CBTT là đầu mối hướng dẫn các trường hợp phát sinh khác liên quan đến CBTT trên các phương tiện truyền thông.
3. Vào ngày làm việc cuối cùng của mỗi tháng, Người thực hiện CBTT có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo HĐQT những thông tin đã công bố trong tháng đó, bao gồm cả những thông tin bổ sung/ đính chính theo Khoản 4 Điều 16 của Quy chế CBTT này.

Điều 16. Quy trình công bố thông tin

1. Khi phát sinh thông tin cần công bố theo quy định tại Quy chế CBTT này, Thông Tư 96 hoặc quy định pháp luật có liên quan khác, người đứng đầu các phòng ban, đơn vị trực thuộc hoặc cá nhân có liên quan có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho Người thực hiện CBTT trong vòng mười hai (12) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện làm phát sinh thông tin đó.
2. Người thực hiện CBTT tổng hợp thông tin, kiểm tra chính xác và trình Người đại diện theo pháp luật phê duyệt trước khi CBTT.
3. Người thực hiện CBTT chịu trách nhiệm (a) gửi mail CBTT cho chuyên viên của SGDCK, (b) CBTT thông qua hệ thống CBTT của SGDCK và của UBCK, (c) gửi tài liệu CBTT (bản giấy) cho SGDCK (trừ trường hợp SGDCK thông báo khác), và (d) bảo quản và lưu giữ thông tin theo quy định pháp luật.

Đối với trường hợp CBTT liên quan đến BCTC, bộ phận kế toán của Công ty sẽ chịu trách nhiệm nhập dữ liệu từ BCTC vào hệ thống CBTT của SGDCK và của UBCK.

4. Trong trường hợp thông tin đã công bố nhận được phản hồi là chưa chính xác và/ hoặc chưa đầy đủ, Người thực hiện CBTT có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, bổ sung/ điều chỉnh thông tin phù hợp, báo cáo HĐQT và công bố bổ sung/ đính chính thông tin theo quy định tại Quy chế CBTT này và quy định pháp luật.

Điều 17. Xử lý vi phạm

Phòng ban hoặc cá nhân có hành vi vi phạm các nội dung tại Quy chế CBTT này, quy định pháp luật về CBTT gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến việc CBTT chưa được đề cập tại Quy chế CBTT này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế CBTT này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh Quy chế CBTT này.
2. HĐQT của Công ty sẽ xem xét và quyết định việc sửa đổi hoặc bổ sung Quy chế CBTT này.
3. Quy chế CBTT này có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2026.
4. Quy chế CBTT này được soạn thảo bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Việt và bản dịch tiếng Anh của Quy chế CBTT này, bản tiếng Việt sẽ có hiệu lực áp dụng.

CTCP GLOBAL TANKER

CHỦ TỊCH HĐQT



**CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN TIẾN DŨNG**



PHỤ LỤC 1.

DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ TRONG NĂM

Stt	Thông tin cần CBTT	Tài liệu đính kèm (nếu có)	Thời hạn CBTT
I	BÁO CÁO TÀI CHÍNH		
1	Báo cáo tài chính quý.	- Báo cáo tài chính quý; - Văn bản giải trình liên quan đến các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông Tư 96 (nếu có).	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. <i>(Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố BCTC quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý)</i>
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp nhận.	- Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét; - Văn bản giải trình nếu kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần (nếu có); - Văn bản giải trình liên quan đến các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông Tư 96 (nếu có).	Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính. <i>(Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính)</i>
3	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp nhận.	- Báo cáo tài chính năm kiểm toán; - Văn bản giải trình của Công ty nếu tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần (nếu có);	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán, nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Stt	Thông tin cần CBTT	Tài liệu đính kèm (nếu có)	Thời hạn CBTT
		- Văn bản giải trình liên quan đến các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông Tư 96 (nếu có).	
II BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ BẢO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY			
1	Báo cáo thường niên	- Báo cáo thường niên.	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2	Báo cáo tình hình quản trị Công ty.	- Báo cáo tình hình quản trị Công ty; và - Dữ liệu điện tử. <i>(gồm 02 bản: 01 bản định dạng PDF có ký tên, đóng dấu và 01 bản định dạng Excel danh sách người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ)</i>	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm và 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch. <i>(theo Khoản 4 Điều 10 Thông tư 96)</i>
3	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty	- Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty; và - Dữ liệu điện tử.	Gửi cho SGDCK trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch. <i>(theo Điểm c Khoản 2 Điều 38 của Quy chế ban hành kèm Quyết định 23)</i>
III TỔ CHỨC ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN			
1	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên.	- Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng. - Nghị quyết HĐQT có nội dung về chốt ngày đăng ký cuối cùng.	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng để kiến. 

Stt	Thông tin cần CBTT	Tài liệu đính kèm (nếu có)	Thời hạn CBTT
2	Họp ĐHĐCĐ thường niên	- Thông báo mời họp; - Chương trình họp; - Phiếu biểu quyết; - Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp (<i>Cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có)</i>); và - Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.
		- Nghị quyết của ĐHĐCĐ; - Biên bản họp; và - Các tài liệu kèm theo trong Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ.	24 giờ kể từ thời điểm họp ĐHĐCĐ.

**GLOBAL TANKER
JOINT STOCK COMPANY**

---o0o---

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

REGULATIONS ON INFORMATION DISCLOSURE OF GLOBAL TANKER JOINT STOCK COMPANY

Pursuant to:

- *Enterprise Law No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, and amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 on January 11, 2022, and Law No. 76/2025/QH15 on June 17, 2025;*
- *Securities Law No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019, and amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15 on November 29, 2024;*
- *Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law, and amended and supplemented by Decree No. 245/2025/NĐ-CP dated September 11, 2025;*
- *Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market, and amended and supplemented by Circular No. 68/2024/TT-BTC dated September 18, 2024, Circular No. 18/2025/TT-BTC dated April 26, 2025, Circular No. 08/2026/TT-BTC dated February 3, 2026;*
- *Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021, of the Vietnam Stock Exchange promulgating the Regulations on Information Disclosure at the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries, and amended and supplemented by Decision No. 31/QĐ-HĐTV dated March 31, 2026, of the Vietnam Stock Exchange;*
- *Decision No. 23/QĐ-HĐTV dated March 18, 2026, of the Vietnam Stock Exchange on the promulgation of the Regulations on Registration and Management of Unlisted Securities Trading;*
- *The Charter on the organization and operation of Global Tanker Joint Stock Company;*
- *Resolution of the Board of Directors No.06/2026/NQ-HDQT dated 01/09/2026 of the Board of Directors of Global Tanker Joint Stock Company promulgating the Regulations on Information Disclosure of Global Tanker Joint Stock Company.*



TABLE OF CONTENTS

CHAPTER 1: GENERAL PROVISIONS	3
Article 1. Scope of Application, Subjects of Application.....	3
Article 2. Interpretation of Terms and Abbreviations.....	3
Article 3. General Principles of Information Disclosure.....	5
Article 4. Persons Responsible for Information Disclosure.....	5
Article 5. Means of Reporting and Information Disclosure.....	6
Article 6. Temporary Suspension of Information Disclosure	6
Article 7. Language of Information Disclosure on the Securities Market.....	7
CHAPTER 2: COMPANY INFORMATION DISCLOSURE	8
Article 8. Periodic Information Disclosure	8
Article 9. Extraordinary Information Disclosure.....	8
Article 10. Information Disclosure upon Request	9
Article 11. Information Disclosure on Other Activities.....	9
CHAPTER 3: INFORMATION DISCLOSURE OF OTHER ENTITIES	11
Article 12. Information Disclosure of Major Shareholders, Related Parties, or Related Foreign Investor Groups Holding Five Percent (5%) or More of the Company's Voting Shares.....	11
Article 13. Information Disclosure of Insiders and Related Persons of Insiders.....	11
Article 14. Information Disclosure on Public Tender Offer Transactions.....	11
CHAPTER 4: ORGANIZATION OF IMPLEMENTATION	12
Article 15. Responsibilities of Departments and Individuals Related to Information Disclosure Activities.....	12
Article 16. Information Disclosure Process.....	12
Article 17. Handling of Violations.....	13
Article 18. Implementation Provisions.....	13
APPENDIX 1.LIST OF PERIODIC INFORMATION DISCLOSURES DURING THE YEAR	14

CHAPTER 1: GENERAL PROVISIONS

Article 1. Scope of application, subjects of application

1. Scope of regulation:

These Regulations on Information Disclosure stipulate: **(i)** the disclosure of information on the Vietnamese securities market in accordance with the provisions of Circular 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, of the Ministry of Finance and related guiding, amending, and supplementing legal documents, and **(ii)** the coordination of work relations between individuals, departments, divisions, and affiliated units of the Company and other relevant entities in the implementation of information disclosure.

2. Subjects of application:

- a. Global Tanker Joint Stock Company.
- b. Investors subject to information disclosure as prescribed by law.
- c. Other relevant agencies, organizations, and individuals.

Article 2. Interpretation of terms and abbreviations

In these Regulations on Information Disclosure, the following terms shall be understood as follows:

1. **“Related Foreign Investor Group”** includes foreign organizations that are related parties as defined in Clause 4, Article 2 of Circular No. 51/2021/TT-BTC dated June 30, 2021, issued by the Ministry of Finance, guiding the obligations of organizations and individuals in foreign investment activities in the Vietnamese securities market (*as amended and supplemented by Circular No. 20/2025/TT-BTC dated May 5, 2025*).
2. **“Board of Management”** includes the corporate executives as stipulated in the Company Charter.
3. **“Information Disclosure Regulations”** refers to these Information Disclosure Regulations, as amended or supplemented from time to time.
4. **“Information Disclosure Subjects”** include the Company and Investors subject to information disclosure as prescribed.
5. **“Enterprise Law”** refers to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, as amended

and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 dated January 11, 2022, and Law No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025.

6. **“Securities Law”** refers to the Securities Law No. 54/2019/QH14 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019, as amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024.
7. **“Decree 155”** refers to Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Securities Law, as amended and supplemented by Decree No. 245/2025/NĐ-CP dated September 11, 2025.
8. **“Circular 96”** refers to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance guiding information disclosure in the securities market, as amended and supplemented by Circular No. 68/2024/TT-BTC dated September 18, 2024, Circular No. 18/2025/TT-BTC dated April 26, 2025, Circular No. 08/2026/TT-BTC dated February 3, 2026.
9. **“Decision 21”** refers to Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021, of the Vietnam Stock Exchange promulgating the Information Disclosure Regulations at the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries, as amended and supplemented by Decision No. 31/QĐ-HĐTV dated March 31, 2026, of the Vietnam Stock Exchange.
10. **“Decision 23”** refers to Decision No. 23/QĐ-HĐTV dated March 18, 2026, of the Vietnam Stock Exchange regarding the issuance of the Regulations on Registration and Management of Unlisted Securities Trading.
10. **“VSDC”** refers to the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.
11. **“SSC”** refers to the State Securities Commission.
12. **“SE”** refers to the Stock Exchange where the Company registers its shares for trading or listing.
13. **“ID”** refers to Information Disclosure.

For the avoidance of doubt, other capitalized terms, unless specifically defined in this Information Disclosure Regulation, shall have the same meanings as prescribed in the Enterprise Law, Securities Law, Circular 96, the Company Charter, and the internal regulations

on corporate governance.

Article 3. General principles of information disclosure

1. The Company's information disclosure must be carried out by the legal representative or the person authorized by the legal representative to disclose information.
2. Information disclosure must be complete, accurate, and timely in accordance with the law and ensure compliance with Clauses 1 and 2, Article 4 of Circular 96.
3. The subject of information disclosure must simultaneously report to the SSC and the SE where the securities are listed or registered for trading regarding the disclosed information content, including all information as prescribed. In cases where the subject of information disclosure does not consent to disclose certain personal information as stipulated by law, information disclosure shall be conducted in accordance with Clause 3, Article 4 of Circular 96.
4. Subjects of information disclosure are responsible for preserving and storing disclosed information and reports in accordance with Clause 5, Article 4 of Circular 96.

Article 4. Persons responsible for information disclosure

1. The Company fulfills its information disclosure obligations through the legal representative or the person authorized to disclose information.
2. The legal representative is responsible for the completeness, accuracy, and timeliness of the information disclosed by the authorized person. In the event of an information disclosure event where both the legal representative and the authorized person are absent, the highest-ranking member of the Board of Management shall assume responsibility for information disclosure. If there is more than one person holding the highest position, the remaining members of the Board of Management shall appoint one person to assume responsibility for information disclosure.
3. The Company must report and re-report information about the person responsible for information disclosure to the SSC and the SE within twenty-four (24) hours from the time the appointment, authorization, or change of the person responsible for information disclosure takes effect. The content of the report on the person responsible for information disclosure is stipulated in Point c, Clause 2, Article 6 of Circular 96.
4. Investors subject to information disclosure shall self-disclose information in accordance with this Information Disclosure Regulation, Circular 96, and other relevant legal provisions.

Article 5. Means of reporting and information Disclosure

1. The means of reporting and information disclosure of the Company are stipulated in Clause 1, Article 7 of Circular 96.
2. Information disclosure on the Company's website is conducted in accordance with Clause 2, Article 7 of Circular 96.
3. In cases where the obligation to disclose information arises on a holiday or public holiday as prescribed by law, the Company shall disclose information on the Company's website and fully fulfill the information disclosure obligations on the next working day following the holiday or public holiday.
4. The method of reporting and disclosure information on the information disclosure system of the SSC and the SE shall be conducted in accordance with the guidance of the SSC and the SE.

According to Document No. 1315/UBCK-GSDC dated March 1, 2024, from the State Securities Commission announcing the implementation of a single-window information disclosure system effective from March 8, 2024, the companies listed/registered for trading on the SE shall cease submitting periodic and extraordinary reports and information disclosures on the SSC's Information Disclosure System (IDS) and perform such reporting and disclosure on the SE's information disclosure system.

The IDS Information Disclosure System remains accessible at <https://ids.ssc.gov.vn>. Companies listed/registered for trading on the SE shall continue to report and disclose information as requested by the SSC, and report/discard information regarding securities offerings, issuances, and other corporate activities through the IDS Information Disclosure System.

5. The Company is not required to send paper copies to report to the SSC and the SE if the documents have been disclosed on all reporting and information disclosure means as stipulated in Clause 1 of this Article and ensure compliance with legal regulations on electronic documents.

Article 6. Postponement of information disclosure

1. Information Disclosure subjects may temporarily suspend information disclosure in cases of force majeure (natural disasters, fires, wars, epidemics, and other force majeure cases) at the time information needs to be disclosed. The Information Disclosure subject must report to the SSC and the SE on the temporary postpone information disclosure

immediately after the event occurs, clearly stating the reason for the postponement, and simultaneously announce the postponement.

2. Immediately after overcoming the force majeure situation, the Information Disclosure subject must fully disclose all information that was previously undisclosed in accordance with legal regulations.

Article 7. Language of information disclosure on the securities market

The language of information disclosure on the securities market shall be conducted simultaneously in Vietnamese and English. Information disclosed in English must ensure consistency with the content disclosed in Vietnamese. In case of discrepancies or different interpretations between the Vietnamese and English information, the Vietnamese information shall prevail.

CHAPTER 2: COMPANY INFORMATION DISCLOSURE

Article 8. Periodic information disclosure

1. The Company shall periodically disclose information as stipulated in Appendix 1 attached to this Information Disclosure Regulation, in accordance with Articles 10 and 14 of Circular 96, and Clause 2, Article 38 of the Regulations passed under Decision 23.
2. When disclosing financial statements mentioned in Clause 1 of this Article, the Company must simultaneously explain the reasons when one of the cases stipulated in Clause 4 Article 14 of Circular 96 occurs.

Article 9. Extraordinary information disclosure

1. The Company must disclose extraordinary information according to the form stipulated in Appendix VI issued with Decision 21 (*except for certain cases where specific forms are prescribed*) within twenty-four (24) hours from the occurrence of one of the events stipulated in Clause 1, Clause 2 Article 11, and Article 15 of Circular 96.
2. The Company shall register the Company model and type of financial statements for information disclosure upon initial registration for trading or when registering to change the Company model and type of financial statements due to corporate reorganization as stipulated in Point e or Point h, Clause 1, Article 11 of Circular 96, according to the form specified in Appendix IV issued with Decision 21.
3. When disclosing information as stipulated in Clause 1, Article 11 of Circular 96, the Company must clearly state the event that occurred, the cause, and any remedial measures (if any).
4. Information disclosure regarding the convening of an Extraordinary General Meeting of Shareholders or the approval of a resolution of the General Meeting of Shareholders through written shareholder opinions shall be conducted in accordance with Clause 3, Article 11 of Circular 96.
5. Information disclosure related to the final registration date for exercising rights for existing shareholders shall be conducted in accordance with Clause 4, Article 11 of Circular 96.
6. In cases where the audit organization issues an audit opinion or review conclusion other than an unmodified opinion or unmodified conclusion for the financial statements or financial statements with retrospective adjustments, the Company must disclose information about the audit opinion, review conclusion, and results of retrospective

adjustments to the financial statements within the time frame stipulated in Clause 1, Article 10, and Clauses 2 and 3, Article 14 of Circular 96.

7. Information disclosure in cases of changes to the accounting period shall be conducted in accordance with Clause 6, Article 11 of Circular 96.

Article 10. Information disclosure upon request

1. The Company must disclose information within twenty-four (24) hours from the time of receiving a request from the SSC and/or the SE where the Company is listed or registered for trading when one of the following events occurs:
 - a. An event that severely affects the legitimate interests of investors; or
 - b. Information related to the Company that significantly affects the securities price and requires confirmation of such information.
2. The content of information disclosed upon request must clearly state the event requested for disclosure by the SSC and/or the SE; the cause and the Company's assessment of the authenticity of the event, and remedial measures (if any).

Article 11. Information disclosure on other activities

1. The Company conducting private securities offerings, public securities offerings, securities issuance, listing, and registration for trading must fulfill the obligation of information disclosure regarding offering, issuance, listing, registration for trading, and reporting on the use of capital in accordance with the legal regulations on securities offering, issuance, listing, and registration for trading.
2. The Company must disclose information about the maximum foreign ownership ratio of the Company and any changes related to this ownership ratio on the Company's website, SE, VSDC, and the information disclosure system of the State Securities Commission in accordance with the securities law guiding foreign investment activities in the Vietnamese securities market.
3. In cases where the Company repurchases its own shares or sells treasury shares, the Company must disclose information in accordance with the legal regulations on repurchasing its own shares or selling treasury shares. In this case, after completing the payment for the repurchased shares, if the total asset value recorded in the accounting books decreases by more than ten percent (10%), the Company must notify all creditors

and disclose information within fifteen (15) days from the date of completing the payment obligation for the share repurchase.

CHAPTER 3: INFORMATION DISCLOSURE OF OTHER ENTITIES

Article 12. Information disclosure of major shareholders, related parties, or related foreign investor groups holding five percent (5%) or more of the Company's voting shares

1. Organizations or individuals who become or cease to be major shareholders of the Company must disclose information and report transactions to the Company, the SSC, and the SE in accordance with the form prescribed in Appendix VII issued with Circular 96 within five (5) working days from the date of becoming or ceasing to be a major shareholder.
2. The disclosure of information related to major shareholders, related parties, or related foreign investor groups holding five percent (5%) or more of the Company's voting shares shall be conducted in accordance with Article 31 of Circular 96.
3. The Company must disclose on its website within three (3) working days after receiving reports related to changes in the shareholding ratio of the entities specified in this Article.

Article 13. Information Disclosure of Insiders and Related Persons of Insiders

1. Insiders of the Company and Related Persons of Insiders must disclose information and report before and after conducting transactions to SSC, the SE, and the Company in accordance with Article 33 of Circular 96.
2. Within three (3) working days after receiving reports related to securities transactions of Insiders and Related Persons of Insiders as stipulated in Clause 1 of this Article, the Company must disclose on its website.

Article 14. Information Disclosure on Public Tender Offer Transactions

The Company and parties participating in or related to public tender offer transactions must conduct information disclosure in accordance with legal regulations.

CHAPTER 4: ORGANIZATION OF IMPLEMENTATION

Article 15. Responsibilities of departments and individuals related to information disclosure activities

1. Members of the Board of Management and departments, individuals related to information disclosure activities are responsible for implementing, disseminating, guiding the implementation, and strictly complying with the regulations in this Information Disclosure Regulation.
2. The Person Responsible for Information Disclosure is the focal point for guiding other arising cases related to information disclosure on media platforms.
3. On the last working day of each month, The Person Responsible for Information Disclosure is responsible for compiling and reporting to the Board of Directors the information disclosed during that month, including any supplementary/corrective information as per Clause 4, Article 16 of this Information Disclosure Regulation.

Article 16. Information disclosure process

1. When information arises that needs to be disclosed according to this Information Disclosure Regulation, Circular 96, or other relevant legal regulations, the heads of departments, affiliated units, or related individuals are responsible for proactively providing information to The Person Responsible for Information Disclosure within twelve (12) hours from the occurrence of the event that generates such information.
2. The Person Responsible for Information Disclosure compiles the information, verifies its accuracy, and submits it to the Legal Representative for approval before disclosure.
3. The Person Responsible for Information Disclosure is responsible for (a) sending information disclosure emails to the SE's specialists, (b) disclosing information through the information disclosure system of the SE and the SSC, (c) sending hard copies of information disclosure documents to the SE (unless otherwise notified by the SE), and (d) preserving and retaining information in accordance with legal regulations.

In cases where information disclosure pertains to Financial Statements, the Company's accounting department shall be responsible for entering data from the Financial Statements into the Information Disclosure System of the SE and the SSC.

4. In the event that the disclosed information receives feedback indicating it is inaccurate and/or incomplete, the Information Disclosure Officer is responsible for checking,

verifying, supplementing/ adjusting the information as appropriate, reporting to the Board of Directors, and disclosing additional/ corrected information in accordance with the provisions of this Information Disclosure Regulation and legal regulations.

Article 17. Handling of violations

Departments or individuals who violate the contents of this Information Disclosure Regulation or legal regulations on information disclosure causing damage to the Company shall be responsible for their violations and compensate for any damage caused in accordance with applicable laws.

Article 18. Implementation provisions

1. In cases where legal regulations related to information disclosure are not mentioned in this Information Disclosure Regulation or where new legal regulations differ from the provisions in this Information Disclosure Regulation, such legal regulations shall automatically apply to and govern these Information Disclosure Regulations.
2. The Company's Board of Directors shall review and decide on amendments or supplements to this Information Disclosure Regulation.
3. This Information Disclosure Regulation shall take effect as of 01/09/2026.
4. This Information Disclosure Regulation is drafted in Vietnamese. In case of any conflict between the Vietnamese version and the English translation of this Information Disclosure Regulation, the Vietnamese version shall prevail.

GLOBAL TANKER JOINT STOCK COMPANY
CHAIRMAN



APPENDIX 1.

LIST OF PERIODIC INFORMATION DISCLOSURES DURING THE YEAR

No.	Information to be Disclosed	Attached Documents (if any)	Disclosure Deadline
I	FINANCIAL STATEMENTS		
1	Quarterly Financial Statements.	- Quarterly Financial Statements; - Explanatory documents related to cases specified in Clause 4, Article 14 of Circular 96 (if any).	Within 20 days from the end of the quarter. <i>(In cases where the Company is the parent company of another organization or is a superior accounting unit with a separate accounting unit, the quarterly Financial Statements must be disclosed within 30 days from the end of the quarter)</i>
2	Semi-annual financial statements reviewed by an approved auditing organization.	- Reviewed semi-annual financial statements; - Explanatory document if the review conclusion is not an unmodified conclusion (if any); - Explanatory document related to cases stipulated in Clause 4, Article 14 of Circular 96 (if any).	Within 5 days from the date the auditing organization signs the review report, but no more than 45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year. <i>(In the case where the Company is the parent company of another organization or is an upper-level accounting unit with a separate accounting apparatus, the reviewed semi-annual financial statements must be disclosed within 5 days from the date the auditing organization signs the review report, but no more than 60 days from the end of the first 6 months of the fiscal year)</i>
3	Annual financial statements audited by an approved auditing organization.	- Audited annual financial statements; - Explanatory document of the Company if the auditing	Within 10 days from the date the auditing organization signs the audit report but not exceeding 90

No.	Information to be Disclosed	Attached Documents (if any)	Disclosure Deadline
		organization issues an opinion other than an unmodified audit opinion (<i>if any</i>); - Explanatory document related to cases stipulated in Clause 4, Article 14 of Circular 96 (<i>if any</i>).	days from the end of the fiscal year.
II ANNUAL REPORT AND CORPORATE GOVERNANCE REPORT			
1	Annual report	- Annual report.	Within 20 days from the date of disclosure of the audited annual financial statements but not exceeding 110 days from the end of the fiscal year.
2	Corporate governance report.	- Corporate governance report; and - Electronic data. <i>(including 2 copies: 1 PDF format with signature and seal, and 1 Excel format list of insiders and related parties)</i>	Within 30 days from the end of the first 6 months and 30 days from the end of the calendar year. <i>(according to Clause 4, Article 10 of Circular 96)</i>
3	Information provision table on corporate governance	- Information provision table on corporate governance; and - Electronic data.	Submit to the Stock Exchange within 30 days from the end of the first 6 months and the end of the calendar year. <i>(according to Point c, Clause 2, Article 38 of the Regulation issued with Decision 23)</i>
III ORGANIZATION OF THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS			
1	Final Registration Date for Existing Shareholders to Exercise Rights to	- Notice of the Final Registration Date. - Resolution of the Board of Directors regarding the	At least 20 days prior to the anticipated Final Registration Date.

No.	Information to be Disclosed	Attached Documents (if any)	Disclosure Deadline
	Attend the Annual General Meeting of Shareholders.	Final Registration Date.	
2	Annual General Meeting of Shareholders	- Notice of Meeting; - Meeting Agenda; - Voting Ballot; - Documents Used in the Meeting (<i>Update amendments and supplements (if any)</i>); and - Draft Resolution for each item on the Meeting Agenda.	At least 21 days before the opening of the Annual General Meeting of Shareholders.
		- Resolution of the General Meeting of Shareholders; - Meeting Minutes; and - Documents attached to the Meeting Minutes, Resolution of the General Meeting of Shareholders.	24 hours from the time of the General Meeting of Shareholders.